

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-01-2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh
2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Vụ án thuộc trường hợp VKS không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 2540/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXX-ST ngày 21/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đào Thiện D, sinh năm 1965.

Địa chỉ thường trú: 91/32/24, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1966.

Địa chỉ thường trú: 173/15/18, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Đào Thiện D trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Kim H kết hôn thông qua mai mối, không tìm hiểu

nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hòa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/01/2014. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Ông bà ly thân từ tháng 02/2016 đến nay không gặp lại nhau. Ông xác định hai bên không muốn nối lại hôn nhân do mâu thuẫn giữa hai bên trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho ông ly hôn với bà H để trả tự do cho nhau.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên ông D đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai đề ngày 11/01/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: Bà và ông D kết hôn với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Cuộc sống hôn nhân ban đầu hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Nay ông D xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do theo đạo công giáo nên bà H không lên Tòa được, bà H có đơn đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Ông Đào Thiện D khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Kim H. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông D là nguyên đơn, bà H là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn”.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thị Kim H có địa chỉ thường trú và cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của ông D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] *Về thủ tục tố tụng khác:* Nguyên đơn ông Đào Thiện D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông D, bà H theo quy định của pháp luật.

[4]. Về nội dung tranh chấp

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Thiện D và bà Nguyễn Thị Kim H chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17/2014, quyển số 01/2014 ngày 22/01/2014. Theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân của ông D và bà H là hợp pháp.

Xét thấy, ông D và bà H đều thừa nhận quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân 04 năm nay đến khi ông D khởi kiện. Ông D đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H. Ông D, bà H không có biện pháp để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải để vợ chồng ông D, bà H đoàn tụ nhưng ông bà không muốn hòa giải đoàn tụ.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của ông D và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của ông D là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Ông Đào Thiện D, bà Nguyễn Thị Kim H khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung: Ông Đào Thiện D, bà Nguyễn Thị Kim H khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4.4] Về nợ chung: Ông Đào Thiện D, bà Nguyễn Thị Kim H khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông Đào Thiện D phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 68, Khoản 4 Điều 147, 220, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 57, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Thiện D đối với bà Nguyễn Thị Kim H về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Thiện D được ly hôn bà Nguyễn Thị Kim H.

- Về con chung: Ông Đào Thiện D, bà Nguyễn Thị Kim H khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Đào Thiện D, bà Nguyễn Thị Kim H khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Đào Thiện D, bà Nguyễn Thị Kim H khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết

2. Về án phí:

Ông Đào Thiện D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007537 ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; ông D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phú